

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hoàn thành chương trình GDQP&AN
Và cấp chứng chỉ môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQP&AN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH

Căn cứ thông tư số 15/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/8/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, cấp phát chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDQPAN thuộc Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thi kết thúc các học phần môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các chuyên ngành của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ; Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

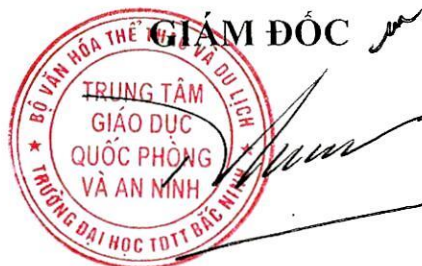
Điều 1: Công nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng an ninh và cấp Chứng chỉ GDQP&AN cho 143 sinh viên bậc cao đẳng của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã tổ chức học tập tại Trung tâm GDQP&AN từ ngày 04/8/2025 đến ngày 14/8/2025 năm học 2025-2026. (Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Đào tạo-Quản lý sinh viên, Phòng Hành chính Tổ chức, Khoa chuyên môn và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Trường CĐ.NKTCN
- Như điều 3(t/h)
- Lưu: VT, TTQPAN (P.05)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN - TRƯỜNG CAO NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
ĐÃ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQP&AN**
(Kèm QĐ số: 24 /QĐ - TTQPAN ngày 26 tháng 8 năm 2025)

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
* Ngành: Công nghệ ô tô Khóa XVII										
1	1	Âu Lương Thành	Đạt	29/09/2001	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
2	2	Nguyễn Văn	Điệp	21/07/2005	Hà Nội	Nam	6.5	7.0	6.75	
3	3	Dương Mạnh	Đình	01/05/2005	Ninh Bình	Nam	6.5	7.2	6.85	
4	4	Trần Văn	Huy	26/08/2005	Lào Cai	Nam	7.2	8.4	7.80	
5	5	Lê Nhật	Minh	08/09/2005	Hà Nội	Nam	6.5	6.5	6.50	
6	6	Nguyễn Đức	Nam	31/10/2005	Lào Cai	Nam	7.2	7.9	7.55	
7	7	Nguyễn Đình	Quân	09/04/2005	Lào Cai	Nam	7.4	6.7	7.05	
8	8	Nguyễn Mạnh	Tâm	05/12/2005	Hung Yên	Nam	6.5	8.8	7.65	
9	9	Nguyễn Duy	Tùng	26/10/2004	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
10	10	Nguyễn Phúc	Thanh	20/10/2002	Hà Nội	Nam	7.7	8.4	8.05	
11	11	Nguyễn Phú	Thành	25/06/1997	Hà Nội	Nam	6.5	8.1	7.30	
12	12	Phùng Văn	Thắng	09/08/2005	Hà Nội	Nam	7.2	6.0	6.60	
* Ngành: Công nghệ ô tô Khóa XVIII										
13	1	Ngô Sỹ	Tuấn	23/11/1994	Hà Nội	Nam	7.5	8.4	7.95	
* Ngành: Điện công nghiệp Khóa XVII										
14	1	Trần Văn	Bình	09/07/2005	Ninh Bình	Nam	6.7	6.5	6.60	
15	2	Nguyễn Văn	Đạo	04/01/2005	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
16	3	Nguyễn Tiến	Đạt	16/10/2005	Ninh Bình	Nam	7.5	8.4	7.95	
17	4	Ngô Văn	Đức	07/07/2005	Bắc Ninh	Nam	7.9	8.1	8.00	
18	5	Nguyễn Ngọc	Hiệp	13/10/2005	Hà Nội	Nam	7.9	7.2	7.55	
19	6	Nguyễn Văn	Hoàn	10/04/2004	Hà Nội	Nam	7.9	6.7	7.30	
20	7	Đình Văn	Huỳnh	02/06/2004	Hà Nội	Nam	6.5	6.7	6.60	
21	8	Nguyễn Khải	Lâm	08/08/2004	Lào Cai	Nam	7.2	6.7	6.95	
22	9	Phạm Quang	Minh	31/01/2005	Hà Nội	Nam	7.2	6.5	6.85	
23	10	Ngô Văn	Quân	17/01/2005	Hà Nội	Nam	6.5	6.7	6.60	
24	11	Nguyễn Văn	Quân	20/01/2005	Hà Nội	Nam	6.5	8.4	7.45	
25	12	Nguyễn Văn	Quỳnh	21/05/2005	Hà Nội	Nam	5.8	5.8	5.80	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
26	13	Hoàng Văn	Tiến	12/10/2005	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
27	14	Ngô Quang	Tiến	07/10/2003	Hà Nội	Nam	6.5	7.2	6.85	
28	15	Nguyễn Ngọc Sơn	Tùng	12/01/2005	Hà Nội	Nam	7.2	5.8	6.50	
29	16	Nguyễn Văn	Thịnh	27/11/1996	Ninh Bình	Nam	8.4	9.1	8.75	
30	17	Lê Huy	Thuận	01/07/2005	Lào Cai	Nam	7.2	6.5	6.85	
31	18	Nguyễn Quốc	Việt	10/10/2004	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
* Ngành: Điện tử công nghiệp Khóa XVII										
32	1	Lê Quốc	Anh	17/12/2005	Phú Thọ	Nam	6.5	6.0	6.25	
33	2	Nguyễn Đức	Cương	11/05/2005	Ninh Bình	Nam	6.5	6.5	6.50	
34	3	Trịnh Hùng	Dũng	18/08/2005	Hà Nội	Nam	5.8	6.0	5.90	
35	4	Đình Văn	Điệp	11/01/2005	Sơn La	Nam	6.5	7.2	6.85	
36	5	Vũ Tiến	Đức	02/04/2005	Thái Nguyên	Nam	6.5	7.9	7.20	
37	6	Nguyễn Đan	Nam	05/06/2005	Thái Nguyên	Nam	6.5	7.4	6.95	
38	7	Đình Thị Bích	Ngọc	21/03/2004	Hà Nội	Nữ	6.5	7.6	7.05	
39	8	Phan Văn	Quyển	04/12/2005	Hà Nội	Nam	7.2	7.4	7.30	
40	9	Hoàng Thế	Toàn	21/04/2003	Hà Nội	Nam	6.5	7.4	6.95	
41	10	Nguyễn Hạ	Vũ	03/04/2004	Hà Nội	Nam	7.2	8.1	7.65	
* Ngành: Cắt gọt kim loại - Khóa XVIII(LT)										
42	1	Nguyễn Quốc	Hai	13/03/2006	Hà Nội	Nam	6.6	8.6	7.60	
43	2	Nguyễn Nhật	Huy	30/07/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.9	7.45	
44	3	Lê Quang	Khải	13/06/2006	Hà Nội	Nam	7.6	9.3	8.45	
45	4	Đào Hùng	Sơn	09/10/2006	Hà Nội	Nam	7.4	6.5	6.95	
46	5	Bùi Quang	Tiến	10/07/2006	Hà Nội	Nam	6.6	7.2	6.90	
47	6	Nguyễn Đức	Thành	21/08/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.2	7.60	
48	7	Phạm Minh	Thành	13/02/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.2	7.10	
49	8	Nguyễn Tiến	Thịnh	31/08/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
* Ngành: Công nghệ ô tô - Khóa XVIII(LT)										
50	1	Nguyễn Đức Quang	Anh	24/02/2006	Hà Nội	Nam	8.1	6.5	7.30	
51	2	Nguyễn Trương Hoàng	Anh	16/12/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.9	7.45	
52	3	Nguyễn Tuấn	Anh	06/07/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.6	7.80	
53	4	Phạm Nhật	Anh	21/08/2006	Hà Nội	Nam	8.0	8.6	8.30	
54	5	Ngô Quốc	Anh	23/04/2006	Hà Nội	Nam	6.0	8.6	7.30	
55	6	Nguyễn Văn	Bình	11/08/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.9	7.45	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
56	7	Đỗ Thành	Cao	18/09/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.9	7.45	
57	8	Phạm Tiến	Dũng	24/06/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.9	7.95	
58	9	Trần Vũ	Duy	11/07/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.2	7.60	
59	10	Nghiêm Thanh	Đàn	14/04/2006	Hà Nội	Nam	6.4	7.2	6.80	
60	11	Nguyễn Đức Thành	Đạt	22/12/2006	Hà Nội	Nam	7.0	6.8	6.90	
61	12	Đào Hải	Đăng	20/12/2005	Hà Nội	Nam	6.0	6.0	6.00	
62	13	Trịnh Hoài	Đức	17/10/2006	Hà Nội	Nam	7.4	7.9	7.65	
63	14	Nguyễn Quang	Hà	02/06/2006	Hà Nội	Nam	7.0	5.8	6.40	
64	15	Nguyễn Quang	Huy	20/06/2006	Hà Nội	Nam	6.5	5.8	6.15	
65	16	Đào Trí	Kiên	01/12/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.2	7.60	
66	17	Trịnh	Kiên	20/08/2006	Hà Nội	Nam	7.6	7.9	7.75	
67	18	Vũ Đình	Kiệt	10/05/2006	Hà Nội	Nam	6.5	6.5	6.50	
68	19	Nguyễn Quang	Khải	01/01/2006	Hà Nội	Nam	6.0	7.7	6.85	
69	20	Nguyễn Trọng Bảo	Lâm	23/07/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.6	7.80	
70	21	Nguyễn Hoàng	Long	12/12/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.3	6.40	
71	22	Lê Minh	Quân	04/09/2005	Hà Nội	Nam	7.0	7.7	7.35	
72	23	Nguyễn Hải	Son	18/11/2006	Thái Bình	Nam	6.5	6.5	6.50	
73	24	Phạm Văn	Trọng	13/01/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.4	7.70	
74	25	Nguyễn Xuân	Trường	01/06/2006	Hà Nội	Nam	7.6	7.9	7.75	
75	26	Trần Xuân	Trường	26/12/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.2	6.85	
76	27	Vũ Bá	Uy	27/01/2006	Hà Nội	Nam	6.3	8.9	7.60	
* Ngành: Điện công nghiệp - Khóa XVIII(LT)										
77	1	Nguyễn Văn	An	02/10/2006	Hà Nội	Nam	7.6	7.9	7.75	
78	2	Nguyễn Gia	Bảo	01/11/2006	Hà Nội	Nam	8.0	8.6	8.30	
79	3	Vũ Tiến	Cường	11/09/2006	Hà Nội	Nam	7.1	8.6	7.85	
80	4	Nguyễn Ngọc	Đoàn	06/09/2006	Hà Nội	Nam	7.1	8.6	7.85	
81	5	Lê Mạnh	Đức	02/12/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.9	7.95	
82	6	Đỗ Trung	Đức	19/01/2006	Hà Nội	Nam	7.6	7.2	7.40	
83	7	Nguyễn Văn	Giang	28/11/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.9	7.95	
84	8	Ngô Hữu	Hải	04/11/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.2	7.60	
85	9	Nguyễn Hoàng	Hải	13/05/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.9	7.50	
86	10	Lê Trung	Hiếu	04/08/2006	Hà Nội	Nam	7.0	6.1	6.55	
87	11	Nguyễn Văn	Hiếu	21/11/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.2	6.85	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
88	12	Nông Văn	Huân	16/01/2006	Cao Bằng	Nam	7.1	7.9	7.50	
89	13	Đỗ Trường	Huy	06/03/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.2	7.60	
90	14	Nguyễn Trọng	Huy	01/04/2006	Hà Nội	Nam	6.3	7.9	7.10	
91	15	Nguyễn Mạnh	Kiên	17/08/2006	Hà Nội	Nam	7.0	5.8	6.40	
92	16	Đàm Khắc Vũ	Khang	30/04/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.9	7.50	
93	17	Trần Đăng	Khoa	18/11/2006	Hà Nội	Nam	7.6	7.2	7.40	
94	18	Trần Thắng	Lợi	15/10/2006	Hà Nội	Nam	8.0	6.1	7.05	
95	19	Đỗ Hải	Nam	16/12/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.9	7.50	
96	20	Trịnh Hải	Nam	07/12/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.9	7.50	
97	21	Bùi Xuân	Tùng	22/08/2006	Hà Nội	Nam	8.0	7.9	7.95	
98	22	Đỗ Văn	Tùng	17/02/2006	Hà Nội	Nam	7.0	8.6	7.80	
99	23	Hoàng Đạo	Thành	02/03/2006	Hà Nội	Nam	7.1	8.1	7.60	
100	24	Đào Đức	Thiện	17/10/2006	Hà Nội	Nam	7.0	5.8	6.40	
101	25	Nguyễn Văn	Trình	22/07/2002	Hà Nội	Nam	6.5	8.2	7.35	
102	26	Nguyễn Đức	Trung	29/04/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.2	7.10	
* Ngành: Điện tử công nghiệp - Khóa XVIII(LT)										
103	1	Bùi Đức	Cảnh	12/08/2006	Hà Nội	Nam	7.4	6.7	7.05	
104	2	Nguyễn Minh	Hiếu	31/10/2005	Hà Nội	Nam	7.0	5.8	6.40	
105	3	Nguyễn Văn	Lâm	09/09/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	7.9	7.20	
106	4	Vi Đức	Long	14/05/2006	Hà Nội	Nam	7.4	7.9	7.65	
107	5	Nguyễn Văn	Lộc	27/11/2006	Bắc Giang	Nam	6.5	6.5	6.50	
108	6	Phạm Tuyết	Mai	17/08/2006	Hà Nội	Nữ	8.0	7.9	7.95	
109	7	Dương Trọng	Nam	08/02/2006	Hà Nội	Nam	6.8	7.9	7.35	
110	8	Bùi Thị	Nga	19/12/2006	Hà Nội	Nữ	7.0	7.4	7.20	
111	9	Lê Quý	Phú	11/06/2006	Hà Nội	Nam	6.4	7.2	6.80	
112	10	Phạm Huỳnh	Quang	07/09/2006	Hà Nội	Nam	7.4	7.9	7.65	
113	11	Ngô Mạnh	Tuấn	06/03/2006	Bắc Giang	Nam	6.6	5.8	6.20	
114	12	Nguyễn Văn	Tùng	27/02/2006	Hà Nội	Nam	6.0	8.0	7.00	
115	13	Nguyễn Văn	Thái	29/09/2006	Hà Nội	Nam	6.0	7.9	6.95	
116	14	Nguyễn Đức	Thuận	17/10/2006	Hà Nội	Nam	7.0	5.8	6.40	
117	15	Trần Thế	Tráng	07/12/2006	Hà Nội	Nam	7.4	5.8	6.60	
118	16	Nguyễn Xuân	Trường	21/07/2006	Hà Nội	Nam	7.4	8.6	8.00	
119	17	Nguyễn Thu	Uyên	24/10/2006	Hà Nội	Nữ	7.4	7.2	7.30	

STT		Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
*		Ngành: Kế toán doanh nghiệp - Khóa XVII(LT)								
120	1	Ngô Thị	Giang	14/02/1996	Nam Định	Nữ	8.0	7.7	7.85	
121	2	Đào Hương	Giang	21/01/1996	Hà Nội	Nữ	6.5	7.5	7.00	
*		Ngành: Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí - Khóa XVIII(LT)								
122	1	Nguyễn Tiến	Anh	19/12/2006	Hà Nội	Nam	7.9	7.9	7.90	
123	2	Phan Tuấn	Anh	10/05/2006	Hà Nội	Nam	6.0	7.9	6.95	
124	3	Lưu Xuân	Bích	07/08/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.2	7.15	
125	4	Nguyễn Thanh	Bình	16/09/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.0	7.05	
126	5	Đặng Hồng	Chiến	08/12/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
127	6	Đinh Văn	Chương	11/09/2006	Bắc Giang	Nam	7.9	8.6	8.25	
128	7	Lê Hoàng	Dũng	25/07/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.2	7.10	
129	8	Vũ Đức	Dũng	10/07/2005	Thái Nguyên	Nam	7.0	7.9	7.45	
130	9	Nguyễn Đỗ Ngọc	Dương	25/11/2005	Hà Nội	Nam	6.4	7.2	6.80	
131	10	Nguyễn Minh	Hà	10/01/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
132	11	Trần Văn	Hiếu	30/03/2006	Hà Nội	Nam	6.0	7.3	6.65	
133	12	Nguyễn Việt	Hùng	25/11/2006	Hà Nội	Nam	6.5	5.8	6.15	
134	13	Hoàng Mạnh	Hung	04/10/2006	Hà Nội	Nam	8.1	8.6	8.35	
135	14	Huỳnh Thành	Long	18/11/2006	Hà Nội	Nam	6.0	7.9	6.95	
136	15	Phú Văn	Long	14/11/2006	Hà Nội	Nam	6.5	7.9	7.20	
137	16	Trần Minh	Nghĩa	20/07/2006	Hà Nội	Nam	7.1	7.9	7.50	
138	17	Nguyễn Minh	Phú	01/07/2006	Hà Nội	Nam	7.4	6.5	6.95	
139	18	Vũ Văn	Phú	30/07/2006	Hà Nội	Nam	6.5	9.1	7.80	
140	19	Nguyễn Thế	Tiến	17/03/2006	Hà Nội	Nam	7.0	7.2	7.10	
141	20	Nguyễn Minh	Tiếp	20/12/2006	Hà Nội	Nam	7.9	8.2	8.05	
142	21	Nguyễn Quang	Vũ	02/07/2006	Hà Nội	Nam	6.0	5.8	5.90	
*		Ngành: Quản trị mạng máy tính - Khóa XVIII(LT)								
143	1	Trần Thị Thanh	Thúy	05/05/2006	Hà Nội	Nữ	8.0	5.8	6.90	

(Ấn định danh sách bao gồm 143 sinh viên)

✓